

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam



Trung tâm Y tế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Văn Hưng, số điện thoại: 0943 541983.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.
 - Nhận qua email: ttyttiendu@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2024 đến hết 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 9 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Bơm tiêm điện	<p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mới 100% chưa qua sử dụng- Sản xuất từ năm 2023 trở lại- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 <p>* Cấu hình chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính: 01 bộ- Dây nguồn: 01 bộ- Pin sạc đi kèm: 01 bộ- Kẹp treo 01: 01 Cái- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ <p>* Mô tả yêu cầu kỹ thuật:</p>	02	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Là máy bơm tiêm sử dụng điện, pin, dùng được các loại bơm tiêm có thể tích 5ml, 10ml, 20ml, 30ml, 50ml hoặc 60 ml của các hãng khác nhau sản xuất. - Dải cài đặt tốc độ tiêm: Có thể điều chỉnh thay đổi theo loại bơm tiêm. - Có thể cài đặt giới hạn thể tích tiêm. - Thể hiện phạm vi hiển thị thể tích. - Tốc độ thanh lọc: <ul style="list-style-type: none"> + ≥ 300 mL/h (khi sử dụng ống tiêm 10 ml) + ≥ 400 mL/h (khi sử dụng ống tiêm 20 ml) + ≥ 500 mL/h (khi sử dụng ống tiêm 30 ml) + ≥ 1.200 mL/h (khi sử dụng ống tiêm 50ml hoặc 60 ml) - Các chức năng cảnh báo tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"> + Tắc đường tiêm truyền + Đuôi piston của bơm tiêm + Thân của bơm tiêm + Ấc quy yếu + Báo động lại + Cảnh báo tắt máy + Cảnh báo chưa đặt tốc độ tiêm + Cảnh báo sự cố + Cảnh báo chưa đặt thể tích + Cảnh báo hoàn thành thể tích dịch đặt trước. - Có các chức năng an toàn - Nguồn điện: 100-240 V AC, 50-60 Hz - Loại pin bên trong máy: <ul style="list-style-type: none"> + Thời lượng sử dụng khi pin đầy: ≥ 10 giờ (tốc độ 5 mL/h). 		
2	Máy chụp hình đáy mắt	<ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất năm 2023 trở về sau, thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Nguồn cung cấp: 220V – 50Hz * Yêu cầu cấu hình: <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính: 01 Cái - Màn hình LCD tích hợp: 01 Cái - Máy ảnh kỹ thuật số tích hợp: 01 cái - Máy tính tích hợp: 01 Cái 	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Chân đế nâng hạ tự động: 01 Cái - Tì cầm nâng hạ: 01 Cái - Giấy tỳ cầm: 01 tệp - Thấu kính tích hợp : 01 Cái - Dây nguồn: 01 Cái - Bao phủ bụi: 01 Cái - Máy in màu: 01 Cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt : 01 bộ * Yêu cầu kỹ thuật: - Định dạng hình ảnh: JPEG, PNG hoặc có thể nâng cấp lên Dicom - Tính năng theo dõi, căn chỉnh 3D tự động - Có khả năng lưu trữ, truy xuất và chia sẻ hình ảnh kỹ thuật số bằng ổ USB hoặc mạng LAN, HDMI, WIFI. - Góc nhìn: ≥ 45 độ - Kích thước đồng tử tối thiểu: $\leq 3,8$ mm - Khoảng cách làm việc: ≥ 25 mm - Phạm vi điều chỉnh tiêu cự (lấy nét): $\leq -15D$ đến $\geq +10D$ (không có thấu kính bổ sung), $\leq -35D$ đến $\geq +30D$ (khi có thấu kính bổ sung). - Cường độ đèn Flash: ≥ 10 mức - Nguồn sáng: <ul style="list-style-type: none"> + Đèn LED hồng ngoại + Đèn LED trắng - Độ phân giải hình ảnh: ≥ 12 MP - Có khả năng kết nối: USB2.0, Ethernet, HDMI, WiFi. - Tỳ cầm có khả năng nâng hạ - Màn hình cảm ứng LCD ≥ 10 inch - Nguồn điện: AC100V to 240V, 50/60Hz 		
3	Máy siêu âm tổng quát	<ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu chung: - Sản xuất năm 2023 trở về sau. - Thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Nguồn điện sử dụng: 220 VAC $\pm 10\%$, 50/60Hz * Cấu hình: 	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm màn hình đồng bộ: 01 cái. - Đầu dò Convex: 01 cái - Đầu dò Linear: 01 bộ - Đầu dò Tim: 01 cái - Đầu dò Âm đạo: 01 bộ - Phần mềm DICOM 3.0: 01 bộ - Phần mềm siêu âm tim: 01 bộ - Máy in ảnh siêu âm đen trắng: 01 bộ - Máy in ảnh siêu âm màu: 01 bộ - Bộ máy tính để bàn kèm máy in laser đen trắng: 01 bộ - Lưu điện online: $\geq 3kVa$ - Gel siêu âm: 05 kg - Giấy in siêu âm sử dụng trên máy in siêu âm đen trắng: \geq cuộn - Giấy in ảnh siêu âm màu ≥ 5 tập - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ * Mô tả yêu cầu kỹ thuật - Số cổng kết nối đầu dò: ≥ 4 Cổng. - Giá giữ đầu dò: ≥ 4 - Bàn có chức năng điều khiển nâng hạ, xoay. - Màn hình chính có khả năng điều chỉnh nâng hạ, nghiêng, xoay. - Xe đẩy có bánh xe, đường kính bánh xe ≤ 5 inch, có chức năng khóa bánh xe. - Kênh xử lý vật lý: ≥ 128 kênh - CPU: tối thiểu intel i5 2,5GHz - Card xử lý đồ họa: NVIDIA GeForce GTX 1650 hoặc tương đương - Bộ nhớ tức thời (RAM): ≥ 16 GB - Ổ cứng SSD: ≥ 512 GB - Bảng điều khiển: <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng điều chỉnh độ cao $\geq 180mm$ + Có khả năng xoay điều chỉnh từ trung tâm - Màn hình hiển thị ảnh siêu âm: <ul style="list-style-type: none"> + Loại màn hình LCD ≥ 21 inch 		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Độ phân giải: 1.920 x 1.080 x 24 bits + Độ nghiêng -90 độ đến 10 độ + Góc xem: ≥ 170 độ (trái/phải, lên/xuống) + Góc xoay: $-360^{\circ} \sim + 360^{\circ}$ + Có chức năng điều chỉnh di chuyển tối thiểu như: lên/ xuống, tiến/lùi + Tỷ lệ tương phản: 1000:1 - Màn hình điều khiển: + Màn hình điều khiển loại: LCD, Cảm ứng ≥ 14 inch. + Độ phân giải: 1.920 x 1.080 x 24 bit - Thiết bị ngoại vi + Số cổng USB 3.0: ≥ 4 cổng + Số cổng HDMI: ≥ 2 cổng - Chế độ 2D: + Tỷ lệ khung hình tối đa: ≥ 5.000 Hz + Tần số: ≥ 5 mức + Đa chùm tia: ≥ 5 bước + Bộ lọc nhiễu: ≥ 5 mức + Mật độ dòng: ≥ 3 mức + Tăng cường cạnh: ≥ 5 mức + Dải động: khoảng từ 10 đến ≥ 370 dB + Khung hình trung bình: ≥ 9 bước + Bản đồ thang xám: ≥ 10 bước + Phương thức lưu trữ tối thiểu có: thời gian, thủ công, nhịp điện tim. + Bản đồ màu: ≥ 15 bước + Độ sâu thăm khám: Convex: Từ ≤ 5 đến ≥ 50 cm, Linear: Từ ≤ 2 đến ≥ 20 cm, Phased: Từ ≤ 4 đến ≥ 50 cm, Endo-cavity: Từ ≤ 3 đến ≥ 30 cm) + Tiêu cự: ≥ 7 mức + TGC: ≥ 7 mức + Bộ nhớ TGC cài đặt: ≥ 5 mức + Mức thang xám: 256 (8 bits) - Chế độ M + Đường M, vị trí đường M + Góc tự do M > Giải phẫu M tối thiểu có: Bật, Tắt (Theo giai đoạn, Tim mạch) + Tốc độ quét: ≥ 5 mức 		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Có chức năng quét nhanh tối thiểu có: bật, tắt + Dải động: Từ 30 đến ≥ 370 dB + Bản đồ thang xám: ≥ 10 bước + Bản đồ màu: ≥ 15 bước + Định dạng hiển thị có thể lựa chọn tối thiểu có: Trên / Dưới, Trái/ phải + Tần số: ≥ 5 mức - Chế độ doppler màu + Vận tốc tối đa: ≥ 7 m/s + Vận tốc tối thiểu: 1 cm/s + Thang PRF: $\leq 0,05$ đến ≥ 25 KHz + Tỷ lệ khung hình tối đa: ≥ 680 Hz + Đảo màu: ≥ 2 mức + Tần số: ≥ 5 mức + Bộ lọc: ≥ 4 mức + Khoảng tần số: $\leq 0,05$ đến ≥ 25 KHz + Đường cơ bản: ≥ 15 bước + Cân bằng: ≥ 15 bước + Lái tia tối thiểu có: có nhiều chế độ + Độ nhạy: ≥ 5 bước + Độ mịn: ≥ 5 bước + Mật độ: ≥ 3 mức + Tỷ lệ khung hình: ≥ 5 mức + Bản đồ màu: ≥ 12 mức + Điều khiển độ khuếch đại: từ 0 đến 100% + Có chế độ khuếch đại màu - Chế độ Doppler năng lượng/ Doppler năng lượng có hướng + Đảo màu + Chế độ năng lượng có hướng + Chống chuyển động nâng cao với thuật toán + Lựa chọn vùng màu điều khiển bằng con lăn: kích thước, vị trí + Đảo ngược màu trong hình ảnh trực tiếp và dừng hình + Kiểm soát tối ưu hóa tần số để tối ưu hóa độ phân giải và độ đâm xuyên + Kiểm soát mật độ đường màu và 2D 		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Các tính năng khác tương tự chế độ màu - Chế độ doppler sóng xung + Tỷ lệ khung hình: ≥ 35 Hz + Vận tốc tối đa: ≥ 70 m/s + Vận tốc tối thiểu: ≤ 5 cm/s + Dấu vết: ≥ 2 mức + Dải động: ≤ 30 đến ≥ 250 dB + Âm lượng: 0 đến 100 % + Bộ lọc: ≥ 20 mức + Đường cân bằng: ≥ 15 bước + Kích thước mẫu: $\leq 0,5$ đến ≥ 25 mm + Góc mẫu: ≤ -80 độ đến ≥ 80 độ + Mức thang xám: ≥ 256 mức - Chế độ hiển thị tối thiểu có + Có tối thiểu các chế độ hiển thị sau: Có chế độ đơn, đôi, tư, đồng thời, động, phóng to, mở rộng màn hình, toàn màn hình. - Tính năng + Tự động tối ưu hóa hình ảnh + Tự động tính toán + Hình động tối đa: ≥ 85.000 khung hình, vòng lặp tối đa: 122.500 dòng. + Tăng cường độ tương phản + Đa chùm tia + Dữ liệu thông tin bệnh nhân + Hiển thị thông tin tối thiểu có: mã, tên, tuổi bệnh nhân, ngày, thời gian, tên đầu dò, đánh dấu, năng lượng, độ khuếch đại. - Xử lý hình ảnh + Kênh xử lý hệ thống: $\geq 8.200.000$ kênh + Xử lý đa chùm tia: tối đa ≥ 8 chùm + Độ sâu hình ảnh: 2 đến 55 cm + Tiêu cự động + Khẩu độ động + Điều chỉnh dải động, điều chỉnh trường nhìn + Đảo ảnh tối thiểu có: trái/ phải, trên/ dưới + Hội tụ chùm tia 		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>+ TGC: ≥ 8 mức</p> <p>+ Điểm hội tụ: ≥ 4 mức</p> <p>+ Thang xám: ≥ 256 mức</p> <p>+ Màu: $\geq 16,5$ triệu, 8 bits</p> <p>+ Phần mềm DICOM 3.0</p> <p>- Đo đạc tối thiểu có: Đo cơ bản, Ổ bụng, Mạch máu, Phụ khoa, Sản khoa, Tim mạch, Tiết niệu, Nhi khoa, Cơ xương khớp, Bộ phận nhỏ.</p> <p>- Đầu dò</p> <p>+ Đầu dò Convex: Loại đầu dò đơn tinh thể.</p> <p>Ứng dụng: Ổ bụng, mạch máu, trẻ em, sản phụ khoa, cơ xương khớp, tiết niệu.</p> <p>Số chân tử: ≥ 190, trường nhìn: ≥ 60 độ, Bán kính cong: ≥ 50 mm.</p> <p>+ Đầu dò Linear: Ứng dụng : ổ bụng, cơ xương khớp, phần nông, mạch máu, trẻ em, số chân tử: ≥ 256, trường nhìn: ≥ 50 mm, dải tần số: ≤ 3 đến ≥ 14 MHz</p> <p>+ Đầu dò Tim: Loại đầu dò đơn tinh thể, ứng dụng tối thiểu có: Bụng, tim, TCD, phổi, mạch máu, nhi, số chân tử: ≥ 80, trường nhìn: ≥ 90 độ, dải tần số: ≤ 1 đến ≥ 5 MHz</p> <p>+ Đầu dò Trans: Ứng dụng: Sản phụ khoa, tiết niệu, số chân tử: ≥ 128, trường nhìn: $\geq 150^\circ$, bán kính cong: ≥ 10mm, dải tần số: ≤ 2 đến ≥ 11 Mhz.</p> <p>- Phần mềm tối thiểu có</p> <p>+ Phần mềm DICOM 3.0: Hình ảnh dịch vụ lưu trữ (đa khung hình, CT, MR, MG, DR, PET) Danh sách công việc Báo cáo có cấu trúc Dịch vụ lưu trữ Dịch vụ truy vấn / truy xuất DICOM</p> <p>+ Phần mềm siêu âm tim: Hình ảnh Doppler mô, Sóng Doppler mô, có chức năng đo phân suất tổng máu cơ tim, có chức năng đo sức căng cơ tim.</p>		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy in ảnh siêu âm đen trắng + Loại in nhiệt + Độ phân giải ≥ 325 dpi + Tốc độ in ảnh ≤ 2 giây/ảnh + Kết nối USB - Máy in ảnh siêu âm màu + Độ phân giải: $\geq 300 \times 300$ dpi + Thang xám: ≥ 256 mức + Tốc độ in: ≤ 50 giây/ảnh + Màn hình LCD: ≥ 2.5 inch - Máy vi tính để bàn + Vi xử lý: Intel Core i5 trở lên + RAM ≥ 8 GB + Ổ cứng ≥ 500 GB + Màn hình màu LCD Full HD $\geq 21,5$ inch + Chuột, bàn phím + Hệ điều hành Windows có bản quyền sử dụng - Máy in Laser đen trắng + Độ phân giải: $\geq 600 \times 600$ dpi + Bộ nhớ: ≥ 64 MB + Khổ giấy A4 + Tốc độ in: ≥ 30 trang/phút 		
4	Máy kéo giãn cột sống	<p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p>* Cấu hình chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Núm dừng khẩn cấp: 01 cái - Kê chân điều chỉnh: 01 cái - Dây đai kéo cổ: 01 cái - Dây đai kéo lưng: 01 cái - Dây đai vùng ngực: 01 cái - Bàn kéo giãn cột sống 4 khúc nâng hạ điều khiển điện: 01 cái - Thanh điều chỉnh góc kéo có puly: 01 cái - Điều khiển nâng hạ giường: 01 cái 	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Nút cố định thiết bị trung tâm với khung kéo: 04 cái - Giá đỡ máy chính: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 bộ * Yêu cầu kỹ thuật - Máy 2 chế độ hoạt động liên tục và ngắt quãng. - Nguồn điện: AC 220V – 240V, 50/60Hz - Lực kéo: Từ 0 đến ≥ 900 N với kéo thất lung và từ 0 đến ≥ 250 N. - Chế độ kéo: ≥ 3 chế độ (nhanh, bình thường, chậm). - Thời gian điều chỉnh có thể từ 1- 99 phút - Hiển thị: Màn hình LED 		
5	Máy đo khúc xạ kế tự động	<ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 * Cấu hình chung: - Thân máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ. - Phần mềm đồng bộ theo máy: 01 bộ - Cấp cấp nguồn: 01 chiếc - Cầu chì dự phòng: 01 chiếc - Giấy in: 02 cuộn - Bao phủ bụi: 01 cái - Mắc giả thử máy: 01 cái - Chân bàn đặt máy điều khiển điện: 01 chiếc - Sách hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh + tiếng Việt): 01 bộ * Yêu cầu kỹ thuật - Màn hình cảm ứng LCD ≥ 8 inch - Có khả năng kết nối thông tin qua Ethernet, USB. - Có khả năng lấy nét tự động. - Chế độ đo: Có tối thiểu 02 chế độ đo là Đo khúc xạ và đo giác mạc. - Có máy in tích hợp theo máy - Đo khúc xạ 	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		+ Spherical power: -20.00 - \geq +22.00 D (0.12D/0.25D). + Cylindrical power: 0.00 - +/-10.00 D + Axis angle: 1-180 độ - Đo giác mạc + Corneal curvature radius: Từ 5 mm đến \geq 10 mm. + Corneal curvature: Từ 33D đến \geq 67D + Corneal astigmatism: Từ 0D đến \leq -10.0D. + Axis angle: 1-180 độ - Nguồn điện: 100-240 V AC, 50-60 Hz		
6	Máy nén ép trị liệu	* Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 * Cấu hình tiêu chuẩn: - Máy chính kèm điều khiển từ xa: 01 cái - Bao cuốn 5 khoang khí chi dưới (cho cả hai chân): 02 cái - Bộ dây kết nối: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ * Yêu cầu kỹ thuật - Chế độ bóp: \geq 3 chế độ - Áp lực bóp tối thiểu: \leq 30 mmHg - Áp lực bóp tối đa: \geq 220mmHg - Điều chỉnh áp lực: Có - Khoang khí: \geq 4 khoang khí trị liệu - Điện áp: AC 100~240V/50~60Hz	04	Cái
7	Nồi hấp tiệt trùng	* Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, PED 2014/68/EU * Cấu hình chung: - Nồi hấp (dung tích \geq 325 lít): 01 cái - Giá để dụng cụ trong buồng hấp: 01 bộ - Xe đẩy giá để dụng cụ: 01 cái - Máy nén khí: 01 cái - Nồi hơi tích hợp: 01 bộ	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cấp nước tự động tích hợp: 01 bộ - Hệ thống bơm hút chân không tích hợp: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ * Tính năng kỹ thuật - Hệ thống điều khiển: PLC - Chế độ hoạt động: Tự động hoàn toàn - Loại màn hình: Màn hình cảm ứng - Kích thước màn hình: ≥ 7 inch - Bàn phím: Màn hình cảm ứng - Máy in: Máy in nhiệt - Giao tiếp: Cổng RS 232 / USB - Hệ thống cảnh báo: hiển thị - âm thanh - in (Visual & Audio & Print). - Lưu trữ dữ liệu: ≥ 200 chu kỳ - Kiểm soát hơi nước với van khí nén - Chương trình tiêu chuẩn tối thiểu: ≥ 8 chương trình, trong đó cả cả chương trình tùy chỉnh. - Tính năng an toàn: Có tối thiểu 10 tính năng an toàn + Bảo vệ người vận hành khỏi rò rỉ dòng điện. + Bảo vệ ngắn mạch + Van an toàn + Bộ lọc Hepa lọc khí + Kiểm soát mực nước thông qua phao trong nồi hơi + Van khí nén xả chính xác + Kiểm tra dò rỉ + Cảm biến chống vật cản trên lối đi của cửa ra vào. + Khoá Cửa bằng áp lực + Nút dừng khẩn cấp - Nhiệt độ: + Phạm vi :115°C - 137°C (buồng hấp) + Vị trí cảm biến: Buồng hấp - Áp suất: + Đo lường: ≥ 4 cảm biến áp suất 		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Vị trí cảm biến tối thiểu tại: Buồng, Vỏ máy, Nồi hơi, Gioăng. - Chân không: + Nguồn: Sử dụng bơm nước tuần hoàn + Có tính năng hút chân không - Cấu tạo thiết bị: + Thân : Thép không gỉ 304 + Buồng : Thép không gỉ 316 L dày $\geq 6\text{mm}$ + Vỏ máy :Thép không gỉ 316L dày $\geq 3\text{mm}$ + Cửa : Thép không gỉ 304 dày $\geq 10\text{mm}$ + Vỏ máy : Thép không gỉ 304 dày $\geq 1\text{mm}$ + Hệ thống ống : Thép không gỉ 304 - Hệ thống xả: + Nước: Ống kim loại mạ kẽm, chiều dài $\geq 2\text{m}$ + Hơi nước: Bằng van khí nén, điều khiển bằng phần mềm + Khí: Động cơ chân không(tích hợp sẵn) 		
8	Nguồn sáng	<ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE - Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7). * Cấu hình: - Máy chính màn hình cảm ứng: 01 máy - Dây nguồn: 01 bộ - Bộ Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh – Tiếng Việt: 01 bộ * Yêu cầu kỹ thuật - Sử dụng bóng đèn công nghệ LED hiệu suất cao - Nhiệt độ màu: $\geq 6.000\text{ K}$ - Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 30.000 giờ - Có cổng liên kết SCB để kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Karl Storz. 	01	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		- Điều chỉnh cường độ sáng: ≥ 20 bước		
9	Máy theo dõi bệnh nhân	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE <p>2. Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính màn hình cảm ứng ≥ 12 inch: 01 máy - Bộ điện cực điện tim: 01 bộ - Cáp đo độ bão hòa Oxy SpO2: 01 bộ - Đầu đo nhiệt độ cơ thể: 01 chiếc - Bộ dây nối đo huyết áp không xâm lấn: 01 bộ - Bao đo huyết áp người lớn: 01 cái - Bao đo huyết áp trẻ em : 01 cái - Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái - Pin tích hợp: 01 cái - Xe đẩy: 01 cái - Bộ Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh – Tiếng Việt: 01 bộ <p>3. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <p>3.1. Tính năng: Theo dõi, cảnh báo: Theo dõi, cảnh báo các thông số cơ bản trong hồi sức cấp cứu: ECG, Nhịp thở, SpO2/mạch, NIBP, nhiệt độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối mạng: Có thể kết nối mạng <p>3.2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình: Cảm ứng màu LED, kích thước ≥ 12 inch, dạng sóng hiển thị ≥ 7 dạng sóng - Có khả năng lưu trữ dữ liệu - Có chức năng phát hiện loạn nhịp - Chức năng báo động: Có chức năng báo động - Pin sạc lại được: Loại Lithium – ion - Máy in: Có máy in được thiết kế đồng bộ kèm theo máy chính. - Thông số điện tim ECG + Số điện cực: 3 điện cực: đo 3 đạo trình (I, II, III) 	08	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>5 điện cực: đo 7 đạo trình (I, II, III, aVR, aVL, aVF, V).</p> <p>+ Có khả năng nhận dạng 3/5 điện cực.</p> <p>+ Chế độ khuếch đại: ≥ 5 chế độ</p> <p>+ Tốc độ quét: Có nhiều chế độ quét</p> <p>+ Băng thông: ≥ 4 băng thông</p> <p>+ Có khả năng bảo vệ khử rung tim $\geq 4.500V$</p> <p>- Thông số điện tim Nhịp tim</p> <p>+ Dải đo nhịp tim: Người lớn: từ $\leq 15 - \geq 290$ nhịp/phút; Trẻ em/Trẻ sơ sinh: từ $\leq 15 - \geq 320$ nhịp/phút.</p> <p>+ Độ phân giải: 1 nhịp/phút</p> <p>+ Sai số: ± 1 nhịp/phút hoặc $\pm 1\%$</p> <p>- Thông số hô hấp RESP</p> <p>+ Phương pháp đo: Trở kháng ngực</p> <p>- Thông số SpO2</p> <p>+ Dải đo: 1- 100%</p> <p>+ Độ chính xác: $\pm 2\%$ (70-100%, Người lớn/Trẻ em); $\pm 3\%$ (70-100%, Trẻ sơ sinh).</p> <p>+ Nhịp mạch: Dải đo nhịp mạch: ≤ 25 đến ≥ 300 nhịp/phút; Độ chính xác: ± 3 nhịp/phút; Độ phân giải: 1 nhịp/phút;</p> <p>- Thông số đo huyết áp NIBP</p> <p>+ Phương pháp đo: Dao động</p> <p>+ Phương thức đo: thủ công, tự động, STAT, liên tục.</p> <p>+ Chỉ số đo: Đo huyết áp tâm thu, huyết áp tâm trương, huyết áp trung bình</p> <p>- Thông số đo nhiệt độ</p> <p>+ Chế độ hoạt động: Chế độ trực tiếp</p> <p>+ Số kênh đo: ≥ 2 kênh</p> <p>+ Dải đo: $0^{\circ}C$ đến $\geq 50^{\circ}C$</p>		
10	Máy điện xung	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <p>- Thiết bị mới 100% được sản xuất từ năm 2023 trở lại</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE</p> <p>2. Cấu hình:</p>	02	Cái

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm màn hình cảm ứng và phần mềm ngôn ngữ Tiếng Việt: 01 - Dây nguồn: 01 bộ - Dây cáp kích thích điện màu đen: 01 cái - Dây cáp kích thích điện màu trắng: 01 cái - Điện cực cao su chì 70 x 70 mm: 04 cái - Miếng làm ẩm điện cực 90 x 90 mm: 04 miếng - Điện cực thép 70x100mm: 04 cái - Miếng làm ẩm điện cực thép 90x120mm: 04 Miếng. - Dây buộc co dẫn: 04 cái - Bộ hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt: 01 bộ <p>3. Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có \geq 02 kênh độc lập điều chỉnh riêng biệt các thông số và cường độ dòng điện trên mỗi kênh. - Màn hình cảm ứng màu kích thước \geq 4 inch - Có sẵn các chương trình điều trị phổ biến - Có thể điều chỉnh độc lập các thông số điều trị - Có hiển thị đường cong I/t và tự động tính toán các hệ số. - Có khả năng tạo mới và lưu các chương trình - Có chế độ an toàn khi có sự cố nguồn điện 		
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiết niệu	<ul style="list-style-type: none"> - Dây cao tần đơn cực: 03 cái + Chân cắm 4 mm + Chiều dài \geq 3 m + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7). - Dây cao tần lưỡng cực: 03 cái + Sử dụng đồng bộ với tay cầm dạng xoắn ngón mã 26296 HM, của hãng Karl storz. + Dài: \geq 300 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) 	01	Bộ

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>- Dây dẫn sáng: 01 cái + Đường kính 4,8mm. + Sử dụng với các ống soi có đường kính từ: 6,5mm – 12mm. + Chiều dài \geq 250 cm. + Chịu nhiệt, có chốt khóa an toàn.</p> <p>- Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L: 01 cái + Hình dạng: Chữ L. + Có chân cầm đốt điện đơn cực. + Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Hàm dụng cụ: 02 cái + Phần hàm dụng cụ dài 26 mm, hoạt động đơn, hàm thẳng, có răng cưa . + Sử dụng đồng bộ với forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Hàm dụng cụ: 02 cái + Phần hàm dụng cụ dài 14 mm, nhiều răng nhỏ, chiều rộng 4,8 mm. + Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Hàm forceps kẹp lưỡng cực: 03 cái + Bản rộng 3 mm + Sử dụng đồng bộ với Forcep cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Hàm dụng cụ: 03 cái + Phần hàm dụng cụ dài 22 mm, hoạt động kép. + Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Kim kẹp kim: 01 cái</p>		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>+ Hàm thẳng, tay cầm thẳng trục có lỗ xoắn ngón và khóa hãm, dùng với chỉ cỡ 2/0 đến 4/0.</p> <p>+ Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Lưỡi kéo cong: 01 cái</p> <p>+ Phần hàm dụng cụ dài 20 mm, hoạt động kép, lưỡi có răng cưa, dạng thìa.</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Lưỡi kéo dạng móc: 01 cái</p> <p>+ Phần hàm dụng cụ dài 10 mm, hoạt động đơn.</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Nắp cao su đầu trocar: 10 cái</p> <p>+ Cỡ 11 mm</p> <p>- Nắp cao su đầu trocar: 10 cái</p> <p>+ Cỡ 6 mm</p> <p>- Nòng trocar đầu sắc: 01 cái</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với Trocar cỡ 6 mm, chiều dài 10,5 cm</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Nòng trocar đầu sắc: 01 cái</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với Trocar cỡ 11 mm, chiều dài 10,5 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Ống giảm: 01 cái</p> <p>+ Sử dụng cho dụng cụ cỡ 5 mm khi dùng với trocar cỡ 11 mm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Tay cầm cho forcep kẹp và phẫu tích: 02 cái</p>		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>+ Bằng nhựa, không khóa, xoay được và có chân cắm đốt điện đơn cực.</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Tay cầm cho forcep kẹp và phẫu tích: 06 cái</p> <p>+ Bằng nhựa, có khóa kiểu, xoay được và có chân cắm đốt điện đơn cực</p> <p>+ Sử dụng đồng bộ với vỏ forcep cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Tay cầm dạng xoắn ngón: 03 cái</p> <p>+ Dạng xoắn ngón, có chân cắm đốt điện lưỡng cực.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Van trocar đa chức năng: 02 cái</p> <p>+ Cỡ 6mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Van trocar đa chức năng: 02 cái</p> <p>+ Cỡ 11mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Vỏ ngoài cho forcep kẹp và phẫu tích: 06 cái</p> <p>+ Bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa để tưới rửa vệ sinh.</p> <p>+ Cỡ 5 mm, dài 36 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Vỏ ngoài cho forcep lưỡng cực: 01 cái</p> <p>+ Dùng cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm.</p> <p>+ Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p>		

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		<p>- Vỏ trocar: 01 cái + Cỡ 6mm, chiều dài 10,5 cm, đầu vát chéo, có van bơm khí. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Vỏ trocar: 02 cái + Cỡ 11mm, chiều dài 10,5 cm, đầu vát chéo, có van bơm khí. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Vỏ trong forcep lưỡng cực: 01 cái + Dùng cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm. + Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7).</p> <p>- Dây bơm khí dàn nội soi: 02 cái - Dây bơm khí CO₂: 02 cái + Đường kính trong ≥ 9 mm + Chiều dài ≥ 250 cm</p>		

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Trung tâm Y tế, Thôn Hoài Trung, Xã Liên Bảo, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng

- Thanh toán cho bên bán qua tài khoản của bên bán tại ngân hàng khi có đủ các chứng từ thanh toán theo quy định hiện hành.

5. Các thông tin khác.

Yêu cầu đơn vị báo giá cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật.

6. Có thể báo giá 1 hoặc tất cả các mặt hàng

7. giá ghi trên báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí... Bên mua không phải chi trả bất cứ chi phí nào khác.

8. Báo giá thực hiện theo mẫu

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo

giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	STT theo Yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Nước sx	Số lượng/ khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1												
2												
n		...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 23/09/2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))